**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI DỰ THẢO LẦN 2 THÔNG TƯ QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG CHO VAY, VAY, GỬI TIỀN, NHẬN TIỀN GỬI, MUA, BÁN CÓ KỲ HẠN GTCG GIỮA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

| **STT** | **Nội dung TT21** | **Dự kiến nội dung TT mới** | **Cơ sở đề xuất** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **THÔNG TƯ**  Quy định về hoạt động cho vay, đi vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | **THÔNG TƯ**  Quy định về hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | DTTT bổ sung hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi giữa các TCTD, CNNHNNg vào tên Thông tư cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT. |
| 2 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Thông tư này quy định hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Hoạt động điều hòa vốn giữa ngân hàng hợp tác xã với các quỹ tín dụng nhân dân; hoạt động cho vay, đi vay giữa các quỹ tín dụng nhân dân với nhau; hoạt động cho vay, đi vay giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài; hoạt động thấu chi trên tài khoản thanh toán giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và hoạt động cho vay đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán giữa ngân hàng thanh toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn với các thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Thông tư này quy định hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.  2. Các hoạt động sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này:  a) Hoạt động cho vay đặc biệt của tổ chức tín dụng đối với tổ chức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt;  b) Hoạt động điều hòa vốn giữa ngân hàng hợp tác xã với các quỹ tín dụng nhân dân;  c) Hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi giữa các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam của cùng một ngân hàng nước ngoài;  d) Hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Hoạt động cho vay đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán giữa ngân hàng thanh toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn với các thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  e) Hoạt động cấp tín dụng giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong xác nhận, hoàn trả thư tín dụng.  g) Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay/nhận nợ giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hoạt động bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh. | - Khoản 1: DTTT bổ sung hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi giữa các TCTD, CNNHNNg vào phạm vi điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD 2024, đồng thời bổ sung cụm từ “trên lãnh thổ Việt Nam” để làm rõ thêm phạm vi điều chỉnh của Thông tư.  - Khoản 2:  + DTTT kế thừa quy định về một số trường hợp loại trừ khỏi phạm vi điều chỉnh của thông tư và quy định tại tiết b, c, đ khoản 2 Điều 1 DTTT (Theo đó, hoạt động điều hóa vốn giữa NH HTX với các Quỹ Tín dụng nhân dân được quy định tại Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 quy định về NH HTX; hoạt động cho vay, gửi tiền giữa các chi nhánh NHNNg của cùng một ngân hàng được thực hiện theo quy chế điều chuyển vốn nội bộ giữa 2 CNNHNNg; NĐ 155/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật chứng khoán có quy định về ngân hàng thanh toán và việc NH thanh toán cho vay đối với các thành viên, theo đó hiện nay BIDV được chọn làm NH thanh toán để thực hiện hoạt động này).  + Về hoạt động thấu chi: Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 về thanh toán không dung tiền mặt, giữa các TCTD, CNNHNNg không được thấu chi trên tài khoản thanh toán, do đó Vụ CSTT đề xuất không đưa hoạt động thấu chi trên tài khoản thanh toán vào DTTT.  + Tiết a, d, e, g: DTTT bổ sung một số hoạt động không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư: (1) Hoạt động cho vay đặc biệt của TCTD quy định tại Thông tư số 37/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024; (2) Hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa các TCTD quy định tại Thông tư số 17/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 ; (3) Hoạt động cấp tín dụng giữa các TCTD, CNNHNNg trong xác nhận, hoàn trả thư tín dụng quy định tại Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024; (4) Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay/nhận nợ giữa các TCTD trong hoạt động bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 quy định về bảo lãnh ngân hàng. |
| 3 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Đối tượng được cho vay, đi vay bao gồm: các tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.  2. Đối tượng được mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá bao gồm: các tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã; chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:  a) Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  b) Ngân hàng hợp tác xã được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải là quỹ tín dụng nhân dân.  c) Quỹ tín dụng nhân dân được vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải là ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân khác.  d) Tổ chức tài chính vi mô được vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  đ) Ngân hàng chính sách được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.  2. Các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | DTTT căn cứ quy định về hoạt động của từng loại hình tổ chức tín dụng tại Luật Các TCTD 2024:  - Khoản 3 Điều 108, khoản 3 Điều 116 quy định ngân hàng thương mại, công ty tài chỉnh tổng hợp được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”;  - Điều 121 quy định “Việc vay, cho vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 116 của Luật này”.  - Điểm c khoản 4 Điều 126 quy định hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm “vay, gửi tiền tại ngân hàng hợp tác xã; vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. *Các quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay, gửi tiền lẫn nhau*”;  - Khoản 1 Điều 129 Luật các TCTD quy định hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm “vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”.  - Khoản 2 Điều 16 quy định: Chính phủ quy định hoạt động của ngân hàng chính sách. |
| 4 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1.[5](https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Van-ban-hop-nhat-38-VBHN-NHNN-hoat-dong-cho-vay-di-vay-mua-ban-co-ky-han-giay-to-co-gia-2016-317162.aspx#_ftn5) *Giao dịch cho vay, đi vay* là giao dịch mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bên cho vay) thực hiện giao hoặc cam kết giao cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (bên vay) một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.  2. *Giao dịch mua, bán có kỳ hạn* là giao dịch mà một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua và nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán (bên mua) từ một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (bên bán), đồng thời bên bán cam kết sẽ mua lại giấy tờ có giá đó sau một khoảng thời gian nhất định.  3. *Thời hạn cho vay* là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày vay đến ngày đến hạn của khoản vay.  4. *Thời hạn mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá* là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày mua đến ngày mua lại, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ và được tính theo ngày.  5. *Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá* khoảng thời gian kể từ ngày giấy tờ có giá được mua, bán đến ngày đến hạn thanh toán toàn bộ gốc của giấy tờ có giá đó.  6. *Lãi suất cho vay* là lãi suất thực hiện cho vay, đi vay được tính theo tỷ lệ phần trăm tính theo năm.  7. *Lãi suất mua* là lãi suất mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá để tính chênh lệch giữa giá mua và giá mua lại, được tính theo tỷ lệ phần trăm tính theo năm.  8. *Ngày vay* là ngày bên vay phải thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền cho bên vay.  9. *Ngày đến hạn* là ngày bên vay phải trả toàn bộ tiền gốc, tiền lãi và các loại phí (nếu có) của khoản vay cho bên vay. Trường hợp ngày đến hạn trùng với ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày đến hạn được tính là ngày làm việc tiếp theo.  10. *Ngày mua* là ngày mà giấy tờ có giá được bên bán chuyển quyền sở hữu cho bên mua và bên mua hoàn thành việc thanh toán tiền mua giấy tờ có giá cho bên bán.  11. *Ngày mua lại* là ngày mà bên mua thực hiện chuyển lại quyền sở hữu giấy tờ có giá đã mua cho bên bán và bên bán hoàn thành việc thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá cho ben mua. Trường hợp ngày mua trùng với ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày mua lại được tính là ngày làm việc tiếp theo.  12. *Giá mua* là số tiền mà bên mua phải trả cho bên bán khi thực hiện mua giấy tờ có giá vào ngày mua. Giá mua do hai bên thỏa thuận và là cơ sở để xác định giá mua lại.  13. *Giá mua lại* là số tiền mà bên mua lại (bên bán) phải trả cho bên mua khi mua lại giấy tờ có giá vào ngày mua lại.  14. *Hạn mức giao dịch* là số dư tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định (không quá 01 năm) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với nhau trên thị trường liên ngân hàng.  15. *Khách hàng* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối tác có quan hệ cho vay, đi vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với TCTD, CNNHNNg.  16. Gia hạn khoản vay là việc bên cho vay chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài thời hạn cho vay đã quy định trong hợp đồng cho vay khi bên vay có đề nghị kéo dài thời hạn trả nợ do không có khả năng trả đầy đủ hoặc một phần nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay đúng thời hạn và được bên cho vay xem xét, đánh giá là có khả năng trả nợ trong khoảng thời gian gia hạn.  17.Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc bên cho vay và bên vay thỏa thuận việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi đã quy định trong hợp đồng cho vay trên cơ sở đề nghị của bên vay và được bên cho vay xem xét, đánh giá bên vay có khả năng trả nợ theo các kỳ hạn được hai bên thỏa thuận điều chỉnh.  18.Chuyển nợ quá hạn là việc nên cho vay chuyển toàn bộ hoặc một phần số dư nợ gố của khoản vay thành nợ quá hạn do bên vay không trả nợ đầy đủ hoặc một phần nợ gốc và/hoặc lãi đúng thời hạn và không được bên cho vay chấp thuận gia hạn khoản vay hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Cho vay, vay là giao dịch mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bên cho vay) thực hiện giao hoặc cam kết giao cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (bên vay) một khoản tiền trong một thời gian nhất định theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận.  2. Gửi tiền, nhận tiền gửi là giao dịch mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bên gửi tiền) gửi một khoản tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (bên nhận tiền gửi) trong một thời gian nhất định theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận.  3. Mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá là giao dịch mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bên mua) mua và nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán từ một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (bên bán), đồng thời bên bán cam kết sẽ mua lại giấy tờ có giá đó sau một khoảng thời gian nhất định.  4. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày vay đến ngày đến hạn của khoản vay, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.  5. Thời hạn gửi tiền là khoảng thời gian được xác định từ ngày tiếp theo của ngày gửi tiền đến ngày đến hạn của khoản tiền gửi, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.  6. Thời hạn mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá là khoảng thời gian được xác định từ ngày tiếp theo của ngày mua đến ngày mua lại, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.  7. Thời hạn còn lại của giây tờ có giá là khoảng thời gian kể từ ngày giấy tờ có giá được mua, bán đến ngày đến hạn thanh toán toàn bộ gốc của giấy tờ có giá đó.  8. Giá mua là số tiền mà bên mua phải trả cho bên bán khi thực hiện mua có kỳ hạn giấy tờ có giá.  9. Giá mua lại là số tiền mà bên mua lại (bên bán) phải trả cho bên mua khi mua lại giấy tờ có giá.  10. Hạn mức cho vay, gửi tiền là số dư cho vay, gửi tiền tối đa mà một tổ chức tín dụng được duy trì tại một tổ chức tín dụng khác trong một thời hạn nhất định  11. Gia hạn khoản vay là việc bên cho vay chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài thời hạn cho vay đã quy định trong thỏa thuận cho vay.  12. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc bên cho vay và bên vay thỏa thuận việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi đã quy định trong thỏa thuận cho vay. | - Khoản 1,3, 4,6,7,8,9: DTTT kế thừa quy định tại TT21.  - Khoản 2,5: DTTT bổ sung định nghĩa gửi tiền, nhận tiền gửi và thời hạn gửi tiền.  - Khoản 10: Vụ CSTT đề xuất sửa đổi, bổ sung định nghĩa hạn mức giao dịch thành hạn mức cho vay, gửi tiền cho phù hợp.  - Vụ CSTT đề xuất không đưa vào DTTT một số định nghĩa tại khoản 6,7,8,9,14,15,18 Điều 3 TT21 về lãi suất cho vay, lãi suất mua, ngày vay, ngày đến hạn, khách hàng, chuyển nợ quá hạn do không cần thiết. |
| 5 | **Điều 4. Nguyên tắc chung thực hiện giao dịch cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá**  1. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch khi:  a) Tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với các hoạt động cho vay, đi vay (tối thiểu bao gồm quy định về đánh giá tín nhiệm khách hàng, quy trình xác định hạn mức cho vay, quy trình thực hiện giao dịch cho vay, đi vay áp dụng đối với từng hình thức thực hiện giao dịch cụ thể) và mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với quy định tại Thông tư này;  c) Không bị Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp hạn chế, đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm thực hiện giao dịch.  2. Ngoài các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, tại thời điểm thực hiện giao dịch đi vay, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được có các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, trừ các trường hợp sau đây:  a) Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được thực hiện giao dịch theo Phương án củng cố tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt;  b) Tổ chức tín dụng đang trong quá trình tái cơ cấu được thực hiện giao dịch theo Phương án tái cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt (nếu có). | **Điều 4. Nguyên tắc chung thực hiện hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phù hợp với phạm vi cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan; tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá của mình.  3. Có quy định nội bộ về hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Tại thời điểm vay, nhận tiền gửi, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được có nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, trừ trường hợp TCTD, CNNHNNg được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc) đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt (nếu có). | - Khoản 1: DTTT bổ sung nguyên tắc nhằm đảm bảo TCTD, CNNHNNg thực hiện cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn GTCG phù hợp với phạm vi hoạt động ghi trong Giấy phép do NHNN cấp hoặc theo quy định của CP (đối với ngân hàng chính sách).  - Khoản 2: DTTT kế thừa nguyên tắc nêu tại tiết a khoản 1 Điều 4 TT21 và nguyên tắc tự chịu trách nhiệm nêu tại khoản 3 Điều 8, khoản 2 Điều 18 TT21 về nguyên tắc cho vay, đi vay, mua, bán GTCG.  - Khoản 3: DTTT tiếp thu quy định tại tiết b khoản 1 Điều 4 TT21, đồng thời bổ sung Điều 6 DTTT quy định cụ thể nội dung của quy định nội bộ.  - Khoản 4: DTTT kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 4, tiết b khoản 3 Điều 28 TT21, đồng thời sửa đổi bổ sung các trường hợp loại trừ cho phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD 2024.  - DTTT bỏ quy định tại tiết c Khoản 1 Điều 4 TT21 vì không cần thiết. |
| 6 | **Điều 5. Hình thức thực hiện giao dịch và thanh toán**  1. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch dưới các hình thức: qua mạng giao dịch điện tử của Ngân hàng Nhà nước hoặc của các tổ chức cung ứng dịch vụ được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc qua điện thoại (có ghi âm lại) hoặc các hình thức khác.  2. Việc lựa chọn áp dụng hình thức thực hiện giao dịch do các bên tự thỏa thuận phù hợp với điều kiện của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải bảo đảm thực hiện giao dịch an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật.  3. Các giao dịch bằng đồng Việt Nam giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng phải thực hiện thanh toán qua Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng, trừ các trường hợp sau:  a) Các giao dịch ngoài thời gian hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng;  b) Các giao dịch chuyển tiền trả nợ gốc và lãi của khoản vay;  c) Các giao dịch không thực hiện việc chuyển tiền gốc của khoản vay;  d) Việc chuyển tiền để thực hiện giao dịch mua, bán có kỳ hạn trái phiếu đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán. | **Điều 5. Phương thức giao dịch**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác thông qua phương thức giao dịch trực tiếp hoặc thông qua phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.  2. Việc lựa chọn áp dụng phương thức thực hiện giao dịch do các bên thỏa thuận phù hợp với điều kiện của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải bảo đảm thực hiện giao dịch an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật. | - Khoản 1, 2: DTTT kế thừa quy định tại TT21, đồng thời quy định cụ thể TCTD, CNNHNNg có thể thực hiện cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác thông qua phương thức giao dịch trực tiếp hoặc thông qua phương tiện điện tử.  - DTTT bỏ quy định các giao dịch bằng đồng VN giữa các thành viên của TTĐTLNH phải thực hiện thanh toán qua hệ thống TTĐTLNH vì: (1) Theo quy định hiện hành, hệ thống TTĐTLNH là hệ thống thanh toán điện tử do NHNN xây dựng, quản lý, sử dụng và vận hành theo nguyên tắc tự nguyện, không bắt buộc các thành viên phải sử dụng. Bên cạnh đó, các quy định hiện hành tại Luật NHNN, các nghị định của CP không có quy định bắt buộc các TCTD là thành viên của hệ thống TTĐTLNH phải sử dụng hệ thống TTĐTLNH để thực hiện thanh toán các giao dịch bằng đồng Việt Nam. (2)Trên thực tế, TT21 quy định nội dung trên nhằm mục đích để NHNN có thể thu thập nhanh các thông tin về giao dịch cho vay, gửi tiền giữa các TCTD để phục vụ công tác điều hành.Tuy nhiên, hiện nay, NHNN đã có thể khai thác thông tin này qua hệ thống của Reuters (Refinitive) mà không cần khia thác qua hệ thống TTĐTLNH nên quy định nêu trên là không cần thiết. |
| 7 | **Điều 6. Thông tin giao dịch** | DTTT chuyển Điều 6 xuống Chương 2 và quy định cụ thể tại Điều 15, Khoản 3 Điều 24 DTTT |  |
| 8 | **Tiết b khoản 1 Điều 4 TT21**  b) Có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với các hoạt động cho vay, đi vay (tối thiểu bao gồm quy định về đánh giá tín nhiệm khách hàng, quy trình xác định hạn mức cho vay, quy trình thực hiện giao dịch cho vay, đi vay áp dụng đối với từng hình thức thực hiện giao dịch cụ thể) và mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với quy định tại Thông tư này; | **Điều 6. Quy định nội bộ**  1. Căn cứ quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng và ban hành Quy định nội bộ về hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để đảm bảo an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Quy định nội bộ tối thiểu phải có nội dung về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; quy định về bảo đảm tiền vay; quy định về đánh giá tín nhiệm, xác định hạn mức cho vay, gửi tiền với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với quy định tại Thông tư này. | DTTT kế thừa quy định tại tiết b khoản 1 Điều 4 TT21 và bổ sung quy định cụ thể về quy định nội bộ; bổ sung quy định nội bộ về hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi. |
| 9 | **Điều 7. Trích lập dự phòng rủi ro đối với các giao dịch**  Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay và mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | DTTT bỏ quy định này. | DTTT bỏ quy định này vì NHNN (CQTTGSNH) đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của TCTD, CNNHNNg trong đó có hoạt động cho vay, gửi tiền tại TCTD; hoạt động chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và GTCG khác (trong đó bao gồm hoạt động mua có kỳ hạn GTCG). |
|  | **Chương 2. Quy định cụ thể** |  |  |
| 10 | **Mục 1. Hoạt động cho vay, đi vay** | **Mục 1. Hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi** | DTTT bổ sung hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi vào mục 1 chương 2 để quy định cụ thể về hoạt động này. |
| 11 | **Điều 8. Nguyên tắc cho vay, đi vay**  Khi thực hiện giao dịch cho vay, đi vay, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo các nguyên tắc sau:  1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư này.  2. Chỉ được thực hiện tại trụ sở chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.  Trụ sở chính của tổ chức tín dụng thực hiện phê duyệt, cấp hạn mức giao dịch, ký hợp đồng giao dịch với khách hàng và được ủy quyền bằng văn bản cho chi nhánh thực hiện việc giải ngân, chuyển tiền thanh toán, quản lý khoản cho vay, đi vay.  3. Tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay (trừ trường hợp bên đi vay vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này), đi vay của mình.  4. Bên vay phải hoàn trả đầy đủ, đúng hạn cho bên cho vay toàn bộ số tiền nợ bao gồm: nợ gốc, lãi và phí (nếu có).  **Khoản 3 Điều 28 quy định về gửi tiền, nhận tiền gửi:**  c) Chỉ được thực hiện tại trụ sở chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.  Trụ sở chính của tổ chức tín dụng thực hiện phê duyệt, cấp hạn mức gửi tiền, ký hợp đồng giao dịch với khách hàng và được ủy quyền bằng văn bản cho chi nhánh thực hiện việc gửi/nhận tiền thanh toán, quản lý khoản tiền gửi.  **Tiết a khoản 1 Điều 16 quy định bên cho vay có quyền:**  a) Yêu cầu bên vay cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến bên vay khi nhận được đề nghị vay vốn/đề nghị cấp hạn mức tín dụng; từ chối yêu cầu vay của bên vay nêu bên vay không đáp ứng đủ điều kiện vay;  **Tiết c khoản 2 Điều 17 quy định bên đi vay có nghĩa vụ:**  c) Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin, tài liệu có liên quan và chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin cho bên cho vay về tình hình thanh khoản, báo cáo tài chính, tình hình nợ quá hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác và các thông tin cần thiết khác có liên quan để phục vụ cho việc đánh giá khách hàng và xác định hạn mức giao dịch phù hợp theo yêu cầu của bên cho vay | **Điều 7. Nguyên tắc cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi**  1. Chỉ được thực hiện tại trụ sở chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Trụ sở chính của tổ chức tín dụng thực hiện phê duyệt, cấp hạn mức cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, ký thỏa thuận cho vay, gửi tiền và được ủy quyền bằng văn bản cho chi nhánh thực hiện việc chuyển tiền, nhận tiền thanh toán, quản lý khoản cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi.  2. Bên cho vay, gửi tiền có quyền yêu cầu bên vay, nhận tiền gửi cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết đến bên vay, nhận tiền gửi, tình hình nợ quá hạn trên 10 ngày tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác của bên vay, nhận tiền gửi quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này. Bên vay, nhận tiền gửi có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của bên cho vay, gửi tiền và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, tài liệu.  3. Bên vay, nhận tiền gửi có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ và đúng hạn tiền gốc, lãi của khoản vay, tiền gửi cho bên cho vay, gửi tiền theo thỏa thuận cho vay, gửi tiền. | - Vụ CSTT đề xuất không đưa nội dung khoản 1 Điều 8 TT21 vào DTTT vì không cần thiết nhắc lại nội dung này.  - Khoản 1: DTTT kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 8, tiết c khoản 3 Điều 28 TT21.  - Khoản 2: DTTT kế thừa quy định tại Điều 16, 17 TT21 về quyền, nghĩa vụ của các bên và quy định tại khoản 2 Điều 8 DTTT làm nguyên tắc cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi.  - Khoản 3: DTTT kế thừa quy định tại khoản 4 Điều 8 TT21 và bổ sung quy định đối với hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi. |
| 12 | **Điều 9. Mục đích cho vay, đi vay**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay, đi vay lẫn nhau để bù đắp thiếu hụt tạm thời dự trữ bắt buộc, khả năng chi trả và kinh doanh vốn trên cơ sở cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | DTTT bỏ quy định về mục đích cho vay, đi vay | DTTT bỏ quy định về mục đích cho vay, đi vay vì Điều 9 Thông tư 21 không hạn chế về mục đích cho vay, đi vay của các TCTD trên thị trường liên ngân hàng, do đó không cần thiết quy định nội dung này |
| 13 | **Điều 13. Phương thức cho vay, đi vay**  Các bên tự xem xét, thỏa thuận áp dụng phương thức cho vay, đi vay từng lần, theo hạn mức hoặc theo các phương thức khác, đảm bảo thực hiện giao dịch an toàn và hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.  **Tiết d khoản 3 Điều 28 về hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi:**  Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự xem xét, thỏa thuận áp dụng phương thức gửi tiền, nhận tiền gửi từng lần, theo hạn mức hoặc theo các phương thức khác, đảm bảo thực hiện giao dịch an toàn và hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.  **Tiết b khoản 2 Điều 16 nghĩa vụ của bên cho vay**  b) Định kỳ tối thiểu 01 năm một lần, bên cho vay xem xét, đánh giá lại khách hàng để xác định hạn mức tín dụng phù hợp đối với từng khách hàng. Hạn mức tín dụng phải do người có thẩm quyền của bên cho vay phê duyệt; | **Điều 8. Hình thức cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi**  1. Các bên thỏa thuận áp dụng hình thức cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi từng lần, theo hạn mức hoặc theo các hình thức khác đảm bảo thực hiện giao dịch an toàn, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.  2. Trường hợp áp dụng hình thức cho vay, gửi tiền theo hạn mức, định kỳ tối thiểu 01 năm một lần, bên cho vay, gửi tiền xem xét, đánh giá và xác định hạn mức cho vay, gửi tiền phù hợp đối với bên vay, nhận tiền gửi. Hạn mức cho vay, gửi tiền phải do người có thẩm quyền của bên cho vay, gửi tiền phê duyệt. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 |
| 14 | **Điều 14. Đồng tiền cho vay, đi vay**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay, đi vay bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Việc cho vay, đi vay bằng ngoại tệ phải được thực hiện trên cơ sở phạm vi hoạt động ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước cho phép đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 9. Đồng tiền cho vay, gửi tiền, trả nợ**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Việc cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ phải phù hợp với phạm vi hoạt động ngoại hối được quy định tại giấy phép hoạt động của từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vay, nhận tiền gửi bằng loại đồng tiền nào thì trả gốc và lãi bằng loại đồng tiền đó, trừ trường hợp vay, nhận gửi tiền bằng ngoại tệ có thể trả gốc và lãi bằng đồng Việt Nam theo thỏa thuận giữa các bên. | Khoản 1: DTTT kế thừa quy định tại TT21 và bổ sung quy định đối với hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi.  Khoản 2: DTTT bổ sung quy định về đồng tiền trả gốc, lãi khoản vay, nhận tiền gửi. |
| 15 | **Điều 10. Thời hạn cho vay**  Thời hạn cho vay giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối đa dưới 01 năm, trừ trường hợp tổ chức tín dụng cho vay đối với công ty cho thuê tài chính là công ty con của tổ chức tín dụng đó.  **Khoản 3 Điều 28 TT21:** Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện các hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán và các giao dịch gửi tiền, nhận tiền gửi có kỳ hạn tối đa là 03 tháng). | **Điều 10. Thời hạn cho vay, gửi tiền**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận thời hạn cho vay, vay tối đa 12 tháng, thời hạn gửi tiền, nhận tiền gửi tối đa 03 tháng.  2. Các trường hợp sau đây không bị điều chỉnh bởi quy định tại khoản 1 Điều này:  a) Tổ chức tín dụng cho vay, gửi tiền đối với công ty cho thuê tài chính là công ty con của tổ chức tín dụng đó.  b) Tổ chức tín dụng hỗ trợ cho vay, gửi tiền đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong thời gian thực hiện phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.  c) Tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất cho vay, gửi tiền đối với tổ chức tín dụng bị sáp nhập, hợp nhất trong thời gian thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.  d) Tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc cho vay, gửi tiền đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong thời gian thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.  Thời gian cho vay, gửi tiền giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại tiết b, c, d khoản này thực hiện theo Phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 về thời hạn cho vay, gửi tiền, đồng thời DTTT bổ sung quy định loại trừ đối với các trường hợp TCTD hỗ trợ/nhận sáp nhập, hợp nhất/nhận chuyển giao bắt buộc cho vay, gửi tiền đối với TCTD được KSĐB và quy định thời hạn cho vay, gửi tiền trong các trường hợp này thực hiện theo Phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| 16 | **Điều 11. Lãi suất cho vay**  1. Lãi suất cho vay do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận.  2. Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cho vay để các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện.  3. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất áp dụng đối với số tiền lãi vay chậm trả do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nhưng không vượt quá 10%/năm. | **Điều 11. Lãi suất cho vay, gửi tiền**  1. Lãi suất cho vay, gửi tiền do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận.  2. Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cho vay, gửi tiền để các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện.  3. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc cho vay quá hạn, số dư gửi tiền gốc quá hạn do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay, gửi tiền nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay, gửi tiền trong hạn; Lãi suất áp dụng đối với số tiền lãi vay, tiền gửi chậm trả do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay, gửi tiền nhưng không vượt quá 10%/năm. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 và bổ sung quy định đối với hoạt động gửi tiền |
| 17 | **Điều 12. Bảo đảm tiền vay**  1. Các bên thỏa thuận việc áp dụng hoặc không áp dụng hình thức bảo đảm đối với khoản vay trong từng trường hợp cụ thể. Việc áp dụng hình thức bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về giao dịch bảo đảm.  2. Bên cho vay phải có quy định cụ thể về điều kiện, nguyên tắc khi xem xét cho phép thực hiện hoặc không thực hiện hình thức bảo đảm đối với khoản vay, đảm bảo thực hiện hoạt động cho vay an toàn, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành có liên quan.  3. Việc lưu ký cho mục đích cầm cố giấy tờ có giá bảo đảm cho khoản vay do các bên thỏa thuận với tổ chức lưu ký, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. | **Điều 12. Bảo đảm tiền vay**  1. Các bên thỏa thuận việc áp dụng hoặc không áp dụng hình thức bảo đảm đối với khoản vay trong từng trường hợp cụ thể. Việc áp dụng hình thức bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về giao dịch bảo đảm.  2. Bên cho vay phải có quy định nội bộ cụ thể về điều kiện, nguyên tắc khi xem xét cho phép thực hiện hoặc không thực hiện hình thức bảo đảm đối với khoản vay, đảm bảo thực hiện hoạt động cho vay an toàn, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành có liên quan.  3. Việc lưu ký cho mục đích cầm cố giấy tờ có giá bảo đảm cho khoản vay do các bên thỏa thuận với tổ chức lưu ký phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 |
| 18 | **Điều 15. Hợp đồng cho vay**  1. Tất cả các giao dịch cho vay, đi vay được thực hiện đều phải lập thành hợp đồng cho vay. Bên cho vay và bên vay có thể ký hợp đồng cho vay đối với từng giao dịch hoặc ký một hợp đồng tổng thể áp dụng chung đối với tất cả các giao dịch cho vay, đi vay giữa hai bên theo thỏa thuận trên nguyên tắc phù hợp với thông lệ quốc tế và không trái với pháp luật Việt Nam.  2. Hợp đồng cho vay có thể được in ra từ mạng giao dịch điện tử, được lập bằng bản giấy, qua fax, hoặc phương tiện khác. Hợp đồng cho vay phải có đầy đủ dấu (trừ trường hợp lập qua hệ thống giao dịch điện tử) và chữ ký (chữ ký tay hoặc ký điện tử) hoặc mã (code) giao dịch của các bên thực hiện giao dịch.  3.Hợp đồng cho vay bao gồm các nội dung cơ bản sau:  - Bên cho vay;  - Bên vay;  - Ngày thực hiện hợp đồng;  - Phương thức cho vay, đi vay;  - Ngày đến hạn;  - Giá trị khoản vay;  - Lãi suất cho vay;  - Thời hạn cho vay;  - Hình thức bảo đảm của khoản vay (nếu có);  - Phương thức thanh toán;  - Quyền và nghĩa vụ của các bên;  - Các quy định về điều chỉnh nội dung hợp đồng trong quá trình thực hiện;  - Quy định về xử lý tranh chấp, xử phạt quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm, gia hạn thời hạn hợp đồng;  - Các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay của các bên. | **Điều 13. Nội dung thỏa thuận giao dịch cho vay, gửi tiền**  1. Thỏa thuận giao dịch cho vay, gửi tiền giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối thiểu gồm các nội dung cơ bản sau:  a) Thông tin về bên cho vay, bên vay hoặc bên gửi tiền, nhận tiền gửi;  b) Hình thức cho vay, gửi tiền;  c) Ngày thực hiện cho vay, gửi tiền; thời hạn cho vay, gửi tiền; ngày đến hạn khoản cho vay, gửi tiền;  d) Đồng tiền cho vay, gửi tiền, trả nợ;  đ) Giá trị khoản cho vay, gửi tiền;  e) Lãi suất cho vay, gửi tiền;  g) Hình thức bảo đảm của khoản vay (nếu có);  h) Chỉ dẫn thanh toán;  i) Người có thẩm quyền xác nhận giao dịch;  k) Quyền và nghĩa vụ của các bên;  l) Quy định về điều chỉnh nội dung thỏa thuận cho vay, gửi tiền trong quá trình thực hiện;  m) Quy định về xử lý tranh chấp, xử phạt quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm, gia hạn thời hạn thỏa thuận cho vay, gửi tiền;  n) Các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay, gửi tiền của các bên.  2. Thỏa thuận giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này được xác lập dưới hình thức thỏa thuận khung và/hoặc thỏa thuận cụ thể trên nguyên tắc phù hợp với thông lệ quốc tế và không trái với pháp luật Việt Nam. | - DTTT sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay thành thỏa thuận cho vay cho phù hợp hơn với tính chất giao dịch cho vay, gửi tiền giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (qua nghiên cứu, có sự khác nhau giữa hợp đồng và thỏa thuận. Cụ thể:  + Hợp đồng thường được sử dụng trong một số giao dịch như chuyển giao tài sản/quyền sở hữu tài sản, giao dịch mua, bán, thuê mướn tài sản giữa 1 cá nhân và 1 tổ chức/ cá nhân khác; hợp đồng có thể dưới hình thức lời nói/văn bản/văn bản có công chứng, chứng thực; hợp đồng thường do 1 bên đề xuất, sau đó các bên trao đổi để sửa đổi và đi đến ký kết hợp đồng.  + Thỏa thuận: Thường được thể hiện dưới hình thức văn bản, là sự bày tỏ ý chí, nguyện vọng của các bên về cùng một vấn đề; nội dung thỏa thuận do 2 bên trao đổi; thỏa thuận do 2 bên gặp măt/trao đổi để cùng đi đến thống nhất, ký kết.)  - DTTT kế thừa quy định tại khoản 1,3 Điều 15 Thông tư 21 và bổ sung quy định về thỏa thuận gửi tiền, nhận tiền gửi.  - Nội dung khoản 2 Điều 15 TT21 được chuyển xuống quy định cụ thể tại Điều 16 DTTT về xác nhận giao dịch. |
| 19 | **Điều 6. Thông tin giao dịch**  1. Mọi giao dịch đều phải được cập nhật và lưu lại đầy đủ trên cơ sở dữ liệu thông tin của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Dữ liệu thông tin cơ bản bao gồm:  - Tên của các bên tham gia giao dịch;  - Ngày thực hiện giao dịch;  - Nội dung giao dịch;  - Giá trị giao dịch;  - Lãi suất giao dịch;  - Thời hạn giao dịch;  - Ngày thanh toán;  - Biện pháp bảo đảm (nếu có).  2.[11](https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Van-ban-hop-nhat-38-VBHN-NHNN-hoat-dong-cho-vay-di-vay-mua-ban-co-ky-han-giay-to-co-gia-2016-317162.aspx#_ftn11) Tất cả các thỏa thuận thực hiện giao dịch phải được xác nhận bằng văn bản (gọi là giấy xác nhận giao dịch) hoặc các hình thức xác nhận khác được hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Trường hợp xác nhận bằng văn bản, giấy xác nhận giao dịch có thể được in ra từ mạng giao dịch điện tử hoặc qua fax hoặc các hình thức khác. Giấy xác nhận phải có chữ ký (chữ ký tay hoặc chữ ký điện tử) hoặc mã (code) giao dịch của nhân viên giao dịch của các bên tham gia giao dịch.  4. Việc xác nhận giao dịch gồm các nội dung chính sau:  - Tên của các bên tham gia giao dịch;  - Ngày thực hiện giao dịch;  - Nội dung giao dịch;  - Giá trị giao dịch;  - Lãi suất giao dịch;  - Thời hạn giao dịch;  - Hình thức đảm bảo của giao dịch (nếu có);  - Phương thức thanh toán. | **Điều 14. Thỏa thuận cho vay, gửi tiền**  1. Đại diện giao dịch của hai bên thực hiện thỏa thuận các nội dung của giao dịch cho vay, gửi tiền trên cơ sở hạn mức, thẩm quyền được phép và đảm bảo tối thiểu các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này.  2. Thỏa thuận giao dịch do đại diện giao dịch của hai bên xác lập qua các phương tiện giao dịch là cam kết không được đơn phương thay đổi, chỉ được thay đổi hoặc hủy bỏ khi hai bên đạt được thỏa thuận bằng văn bản.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chịu trách nhiệm về việc ủy quyền, giao hạn mức giao dịch cho đại diện giao dịch và có nghĩa vụ thực hiện giao dịch cho vay, gửi tiền đã được đại diện xác lập với đối tác.  **Điều 15. Xác nhận giao dịch**  1. Sau khi thỏa thuận giao dịch được xác lập qua phương tiện giao dịch, hai bên phải lập và gửi cho nhau xác nhận giao dịch cho vay, gửi tiền. Bộ phận nghiệp vụ hỗ trợ giao dịch của mỗi bên thực hiện lập và gửi xác nhận giao dịch cho vay, gửi tiền ngay trong ngày giao dịch bằng văn bản hoặc các hình thức xác nhận khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.  2. Nội dung của xác nhận giao dịch do các bên thỏa thuận nhưng phải đảm bảo tối thiểu các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này và phê duyệt của người có thẩm quyền xác nhận giao dịch.  3. Trường hợp xác nhận giao dịch bằng văn bản giấy, các bên có thể gửi xác nhận giao dịch qua máy fax hoặc đính kèm qua thư điện tử và phải gửi cho nhau bản gốc trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.  4. Trường hợp xác nhận giao dịch qua hệ thống SWIFT (Society for Worldwide Interbank and Finacial Telecommunication), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thiết lập quy trình tạo lập, gửi và nhận điện đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy dịnh của Luật Giao dịch điện tử và quy định của pháp luật có liên quan.  5. Các nội dung của xác nhận giao dịch nêu tại Điều này phải được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lưu trữ đầy đủ trên cơ sở dữ liệu thông tin của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | DTTT kế thừa quy định về xác nhận giao dịch, đồng thời bổ sung quy định cụ thể, rõ ràng hơn về việc thỏa thuận cho vay, gửi tiền và xác nhận giao dịch cho vay, gửi tiền giữa các TCTD, CNNHNNg. |
| 20 | **Tiết c Khoản 1 Điều 16 quy định bên cho vay có quyền**  c) Gia hạn khoản vay; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; miễn lãi, điều chỉnh lãi suất cho vay; chuyển nợ quá hạn; | **Điều 16. Trả nợ trước hạn, gia hạn khoản vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ**  1. Bên vay có quyền trả nợ trước hạn nếu các bên có thỏa thuận hoặc khi được bên cho vay chấp thuận. Lãi suất áp dụng trong trường hợp trả nợ trước hạn do các bên thỏa thuận tại thỏa thuận cho vay phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.  2. Bên cho vay xem xét, quyết định việc gia hạn khoản vay và/hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ khoản vay trên cơ sở đề nghị của bên vay, khả năng tài chính của bên cho vay và đánh giá khả năng trả nợ của bên cho vay đối với bên vay.  3. Thời hạn gia hạn khoản vay mỗi lần không vượt quá thời hạn cho vay; tổng thời hạn cho vay và thời hạn gia hạn khoản vay tối đa 12 tháng. | DTTT kế thừa quy định về gia hạn khoản vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ tại tiết c khoản 1 Điều 16 TT21.  Khoản 3: DTTT bổ sung quy định này để quy định cụ thể về thời gian gia hạn khoản vay. |
| 21 | **Không có quy định** | **Điều 17. Kéo dài thời hạn gửi tiền**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng thỏa thuận việc kéo dài thời hạn gửi tiền (nếu có) tại thỏa thuận gửi tiền. Thời hạn kéo dài khoản tiền gửi mỗi lần không vượt quá thời hạn gửi tiền; tổng thời hạn gửi tiền và thời hạn kéo dài khoản tiền gửi tối đa 03 tháng. | DTTT bổ sung quy định về kéo dài thời hạn gửi tiền. |
| 22 | **Tiết c Khoản 1 Điều 16 quy định bên cho vay có quyền**  c) Gia hạn khoản vay; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; miễn lãi, điều chỉnh lãi suất cho vay; chuyển nợ quá hạn; | **Điều 18. Chuyển nợ quá hạn**  Bên cho vay, gửi tiền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của khoản vay, gửi tiền mà bên vay, nhận tiền gửi không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được bên cho vay, gửi tiền chấp thuận gia hạn khoản vay hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc kéo dài thời hạn gửi tiền. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 và bổ sung quy định về chuyển nợ quá hạn đối với khoản tiền gửi. |
| 23 | **Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của bên cho vay**  1. Bên cho vay có quyền:  a) Yêu cầu bên vay cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến bên vay khi nhận được đề nghị vay vốn/đề nghị cấp hạn mức tín dụng; từ chối yêu cầu vay của bên vay nêu bên vay không đáp ứng đủ điều kiện vay;  b) Yêu cầu bên vay có biện pháp bảo đảm đối với khoản vay;  c) Gia hạn khoản vay; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; miễn lãi, điều chỉnh lãi suất cho vay; chuyển nợ quá hạn;  d) Yêu cầu bên vay trả nợ trước hạn nếu các bên có thỏa thuận về việc trả nợ trước hạn hoặc phát hiện bên vay vi phạm hợp đồng cho vay;  đ) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp bên vay không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của mình khi đến hạn trả nợ nếu các bên liên quan không có thỏa thuận nào khác.  2. Bên cho vay có nghĩa vụ:  a) Xây dựng quy định cụ thể về hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng phù hợp với đặc điểm và mô hình tổ chức của mình;  b) Định kỳ tối thiểu 01 năm một lần, bên cho vay xem xét, đánh giá lại khách hàng để xác định hạn mức tín dụng phù hợp đối với từng khách hàng. Hạn mức tín dụng phải do người có thẩm quyền của bên cho vay phê duyệt;  c) Thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng cho vay;  d) Báo cáo ngay bằng văn bản về Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) nếu khi đến hạn trả nợ mà bên vay không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ theo cam kết. | DTTT không quy định riêng về quyền và nghĩa vụ của bên cho vay mà đưa vào các điều khoản tại DTTT. | Cụ thể:  - Khoản 1. Quyền của bên cho vay:  + Tiết a Quyền yêu cầu cung cấp thông tin: quy định tại khoản 2 Điều 8 DTTT;  + Quyền từ chối yêu cầu vay: Vụ đề xuất bỏ nội dung này vì không cần thiết.  + Tiết b: Đã được quy định tại Điều 13 DTTT về bảo đảm tiền vay.  + Tiết c: Đã được quy định tại Điều 13, Điều 16 và Điều 19 DTTT.  +Tiết d: Vụ CSTT đề xuất không quy định cho phép bên cho vay yêu cầu bên vay trả nợ trước hạn vì: Hoạt động cho vay giữa các TCTD trên thị trường liên ngân hàng là hoạt động thường xuyên trên cơ sở thỏa thuận của các TCTD và thông thường có thời hạn ngắn. Việc cho phép bên cho vay có quyền đòi nợ trước hạn sẽ có thể gây khó khan cho nguồn vốn của bên vay và có thể ảnh hưởng lan truyền đến TTLNH. Theo đó tại điều 16 DTTT quy định theo hướng cho phép bên vay trả nợ trước hạn nếu có thỏa thuận hoặc được bên vay chấp thuận; không quy định bên cho vay có quyền thu nợ trước hạn.  +Tiết đ: Vụ đề xuất bỏ nội dung này và quy định theo hướng để các TCTD thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay.  - Khoản 2 Nghĩa vụ của bên cho vay:  + Tiết a: Đã được quy định tại Điều 7 DTTT về Quy định nội bộ  +Tiết b: Đã được quy định tại khoản 2 Điều 9 DTTT.  +Tiết c: Vụ CSTT đề xuất bỏ nội dung này vì không cần thiết.  + Tiết d: Vụ CSTT đề xuất bỏ nội dung này vì không cần thiết (do TCTD đã thực hiện báo cáo nội dung này qua hệ thống báo cáo thống kê). |
| 24 | **Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của bên vay**  **1. Bên vay có quyền:**  a) Trả nợ trước hạn nếu các bên có thỏa thuận hoặc khi được bên cho vay chấp thuận;  b) Khởi kiện bên cho vay theo quy định của pháp luật nếu bên cho vay vi phạm các cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay;  2. Bên vay có nghĩa vụ:  a) Xây dựng quy định cụ thể về hoạt động đi vay trên thị trường liên ngân hàng phù hợp với đặc điểm và mô hình tổ chức của mình;  b) Hoàn trả đầy đủ và đúng hạn nợ gốc, lãi và các loại phí (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay;  c) Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin, tài liệu có liên quan và chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin cho bên cho vay về tình hình thanh khoản, báo cáo tài chính, tình hình nợ quá hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác và các thông tin cần thiết khác có liên quan để phục vụ cho việc đánh giá khách hàng và xác định hạn mức giao dịch phù hợp theo yêu cầu của bên cho vay;  đ) Thực hiện đầy đủ, đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận với bên cho vay. | Không quy định riêng mà đưa vào các điều khoản cụ thể tại DTTT | Cụ thể:  - Khoản 1: Quyền của bên cho vay  +Tiết a: Đã được quy định tại Điều 17 DTTT  + Tiết b: Vụ CSTT đề xuất bỏ nội dung này và quy định theo hướng để các TCTD thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay.  - Khoản 2 nghĩa vụ của bên vay:  + Tiết a: Đã được quy định tại Điều 7 DTTT về quy định nội bộ  +Tiết b: Đã được quy định tại khoản 3 Điều 8 DTTT  + Tiết c: Đã được quy định tại khoản 2 Điều 8 DTTT  + Tiết đ: Vụ CSTT đề xuất bỏ nội dung này vì không cần thiết. |
|  | **Mục 3. Hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá** |  |  |
| 25 | **Điều 18. Nguyên tắc giao dịch mua, bán**  Khi thực hiện giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo các nguyên tắc sau:  1.Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư này.  2. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá của mình; thực hiện mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác theo thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư này, quy định pháp luật hiện hành có liên quan và thông lệ quốc tế.  3. Thu hồi đầy đủ, đúng hạn số tiền (gốc và lãi) khi thực hiện mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.  4. Mua lại giấy tờ có giá đã bán khi đến hạn theo thỏa thuận với bên mua.  5. Mọi quyền lợi phát sinh liên quan đến giấy tờ có giá trong thời gian thực hiện mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận bằng văn bản, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. | **Điều 19. Nguyên tắc mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá của mình; thực hiện mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác theo thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư này, quy định pháp luật hiện hành có liên quan và thông lệ quốc tế.  2. Thu hồi đầy đủ, đúng hạn số tiền gốc và lãi khi thực hiện mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.  3. Mua lại giấy tờ có giá đã bán khi đến hạn theo thỏa thuận với bên mua.  4. Mọi quyền lợi phát sinh liên quan đến giấy tờ có giá trong thời gian thực hiện mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. | - Vụ CSTT đề xuất bỏ khoản 1 Điều 18 TT21 vì không cần thiết nhắc lại.  - DTTT kế thừa quy định tại khoản 2,3,4,5 Điều 18 TT21. |
| 26 | **Điều 19. Các loại giấy tờ có giá**  1. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, bán có kỳ hạn các loại giấy tờ có giá sau:  a) Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;  b) Trái phiếu Chính phủ;  c) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;  d) Trái phiếu Chính quyền địa phương;  đ) Giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành (bao gồm cả giấy tờ có giá do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;  e) Các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành.  2. Công ty cho thuê tài chính được mua, bán có kỳ hạn các loại giấy tờ có giá quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.  **Điều 20. Điều kiện của giấy tờ có giá**  Các loại giấy tờ có giá được giao dịch phải có đủ các điều kiện sau:  1. Là giấy tờ có giá được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và được phép chuyển nhượng;  2. Được phát hành bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi;  3. Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán;  4. Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá phải lớn hơn thời hạn mua, bán. | **Điều 20. Giấy tờ có giá được mua, bán có kỳ hạn**  1. Loại giấy tờ có giá được mua, bán  a) Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;  b) Công cụ nợ của Chính phủ;  c) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;  d) Trái phiếu Chính quyền địa phương;  e) Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành (bao gồm kỳ phiếu, tín phiếu, , chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;  g) Các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành.  2. Giấy tờ có giá được mua, bán có kỳ hạn phải có đủ các điều kiện sau:  a) Là giấy tờ có giá được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và được phép chuyển nhượng;  b) Được phát hành bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi;  c) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán, được phép giao dịch theo quy định của pháp luật, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ khác.  d) Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá phải lớn hơn thời hạn mua, bán.  3. Bên mua có quyền yêu cầu bên bán cung cấp các thông tin, tài liệu để chứng minh giấy tờ có giá đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 2 điều này. Bên bán có trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của bên mua và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, tài liệu. | - DTTT gộp Điều 19,20 TT21 thành Điều 21 GTCG được mua, bán có kỳ hạn:  + Khoản 1: DTTT kế thừa quy định tại Điều 19 TT21 và sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định chung về loại GTCG được mua bán đối với tất cả các loại hình TCTD cho phù hợp với quy định tại Luật các TCTD (đồng thời tại khoản 1 Điều 4 DTTT đã quy định nguyên tắc TCTD, CNNHNNg được mua, bán có kỳ hạn GTCG phù hợp với nội dung mua, bán có kỳ hạn GTCG ghi trong Giấy phép).  Đồng thời tại tiết b khoản 1, DTTT sửa tiết b khoản 1 Điều 19 TT21 “trái phiếu Chính phủ” thành “Công cụ nợ của Chính phủ” cho phù hợp với quy định tại Luật Nợ công và Luật các TCTD 2024.  + Khoản 2: DTTT kế thừa quy định tại Điều 20 Thông tư 21.  + Khoản 3: DTTT bổ sung quy định về quyền, trách nhiệm của các bên trong việc cung cấp thông tin về GTCG.  -DTTT bỏ quy định tại khoản 2 Điều 19 TT21 vì việc mua bán loại GTCG theo giấy phép quy định tại Điều 4 DTTT. |
| 27 | **Điều 21. Đồng tiền mua, bán**  1. Đối với giấy tờ có giá được phát hành bằng đồng Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch mua, bán bằng đồng Việt Nam.  2. Đối với giấy tờ có giá được phát hành bằng ngoại tệ, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch mua, bán bằng loại ngoại tệ của giấy tờ có giá đó. Trường hợp mua, bán bằng đồng Việt Nam thì các bên thỏa thuận tỷ giá áp dụng trên cơ sở tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá ngoại tệ khi thực hiện.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ trong phạm vi hoạt động ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước cho phép đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 21. Đồng tiền mua, bán**  1. Đối với giấy tờ có giá được phát hành bằng đồng Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch mua, bán bằng đồng Việt Nam.  2. Đối với giấy tờ có giá được phát hành bằng ngoại tệ, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch mua, bán bằng loại ngoại tệ của giấy tờ có giá đó. Việc mua, bán có kỳ hạn GTCG bằng ngoại tệ phải phù hợp với phạm vi hoạt động ngoại hối được quy định tại giấy phép hoạt động của từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.Trường hợp mua, bán bằng đồng Việt Nam thì các bên thỏa thuận tỷ giá áp dụng trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ giá. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 |
| 28 | **Điều 22. Thời hạn mua, bán**  Thời hạn mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tối thiểu là 01 ngày và tối đa là dưới 01 năm, trừ trường hợp tổ chức tín dụng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với công ty cho thuê tài chính là công ty con của tổ chức tín dụng đó. | **Điều 22. Thời hạn mua, bán giấy tờ có giá**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận thời hạn mua, bán giấy tờ có giá tối đa 12 tháng, trừ trường hợp tổ chức tín dụng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá của công ty cho thuê tài chính là công ty con của tổ chức tín dụng đó. | DTTT kế thừa quy định tại TT21.  DTTT bỏ quy định thời hạn mua bán tối thiểu 01 ngày vì không cần thiết. |
| 29 | **Điều 23. Lãi suất mua và cách xác định giá mua, giá mua lại**  1. Lãi suất mua áp dụng trong mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo phương thức tự thỏa thuận trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất.  2.Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định giá mua, giá mua lại cho từng giao dịch trên cơ sở lãi suất mua, thời hạn mua, bán đã thỏa thuận, thời hạn còn lại của giấy tờ có giá và các thông tin có liên quan khác.  Giá mua lại được tính theo công thức:  Giá mua lại = Giá mua x (1+ Lãi suất mua x Thời hạn mua, bán/ Số ngày thực tế của năm thực hiện giao dịch mua). | **Điều 23. Giá mua, giá mua lại, lãi suất mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá**  1. Lãi suất mua áp dụng trong mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo phương thức tự thỏa thuận trên cơ sở tuân thủ các quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.  2.Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định giá mua, giá mua lại cho từng giao dịch trên cơ sở lãi suất mua, thời hạn mua, bán đã thỏa thuận, thời hạn còn lại của giấy tờ có giá và các thông tin có liên quan khác.  Giá mua lại được tính theo công thức:  Giá mua lại = Giá mua x (1+ Lãi suất mua x Thời hạn mua, bán/ Số ngày thực tế của năm thực hiện giao dịch mua). | DTTT kế thừa quy định tại TT21 |
| 30 | **Điều 24. Hợp đồng mua lại giấy tờ có giá**  1. Giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá trên thị trường liên ngân hàng phải được lập thành hợp đồng mua lại. Bên mua và bên bán có thể ký hợp đồng mua lại từng lần đối với từng giao dịch hoặc ký một hợp đồng mua lại tổng thể áp dụng chung đối với tất cả các giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá. Hợp đồng mua lại được lập trên cơ sở thỏa thuận của các bên hoặc trên cơ sở Hợp đồng mua lại chuẩn do Ngân hàng Nhà nước hoặc các hiệp hội (Hiệp hội các nhà kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội ngân hàng,...) ban hành phù hợp với thông lệ quốc tế, không trái với quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.  2. Hợp đồng mua lại có thể được lập bằng văn bản qua hệ thống giao dịch điện tử, bản giấy, qua fax, hoặc phương tiện khác. Hợp đồng mua lại phải có đầy đủ dấu và chữ ký (chữ ký tay hoặc ký điện tử) của các bên thực hiện hợp đồng.  3. Hợp đồng mua lại bao gồm các nội dung chính sau:  a) Bên bán;  b) Bên mua;  c) Giấy tờ có giá được mua, bán: hình thức (chứng chỉ, ghi sổ), số seri, mệnh giá hoặc giá trị đến hạn thanh toán (là tổng số tiền được thanh toán khi đến hạn thanh toán giấy tờ có giá đó), tổ chức phát hành, ngày đến hạn thanh toán;  d) Ngày mua;  đ) Giá mua;  e) Lãi suất mua;  g) Thời hạn mua;  h) Giá mua lại;  i) Ngày mua lại;  k) Phương thức thanh toán và chuyển giao giấy tờ có giá;  l) Xử lý tranh chấp, vi phạm hợp đồng;  m) Quyền, nghĩa vụ của các bên;  n) Ngày giá trị của hợp đồng;  o) Các nội dung có liên quan khác. | **Điều 24. Thỏa thuận mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá; Xác nhận giao dịch**  1. Thỏa thuận mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá tối thiểu bao gồm các nội dung sau:  a) Thông tin về bên bán, bên mua;  b) Thông tin về giấy tờ có giá được mua, bán: hình thức (chứng chỉ, ghi sổ), số seri, mệnh giá hoặc giá trị đến hạn thanh toán (là tổng số tiền được thanh toán khi đến hạn thanh toán giấy tờ có giá đó), tổ chức phát hành, ngày đến hạn thanh toán;  c) Đồng tiền mua, bán;  d) Ngày mua, thời hạn mua, ngày mua lại;  đ) Giá mua, lãi suất mua, giá mua lại;  k) Chỉ dẫn thanh toán và chuyển giao giấy tờ có giá;  l) Xử lý tranh chấp, vi phạm hợp đồng;  m) Quyền, nghĩa vụ của các bên;  n) Ngày giá trị của hợp đồng;  o) Các nội dung có liên quan khác.  2. Thỏa thuận giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này được xác lập dưới hình thức thỏa thuận khung và/hoặc thỏa thuận cụ thể trên cơ sở thỏa thuận của các bên hoặc trên cơ sở Hợp đồng mua lại chuẩn do các hiệp hội (Hiệp hội các nhà kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội ngân hàng,...) ban hành phù hợp với thông lệ quốc tế, không trái với quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện thỏa thuận mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá và xác nhận giao dịch tương tự quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư này. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp:  - DTTT sửa đổi Hợp đồng mua lại GTCG thành thỏa thuận mua, bán có kỳ hạn GTCG (tương tự như đối với thỏa thuận cho vay, gửi tiền)  - Khoản 2: DTTT bỏ quy định hợp đồng mua lại có thể được lập trên cơ sở hợp đồng mua lại chuẩn do NHNN ban hành vì trên thực tế NHNN không ban hành hợp đồng mua lại chuẩn đối với giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG.  - Khoản 3: DTTT quy định cụ thể việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện thỏa thuận mua, bán có kỳ hạn và xác nhận giao dịch tương tự như đối với giao dịch cho vay, gửi tiền quy định tại Điều 14, Điêu 15 DTTT. |
| 31 | **Điều 25. Quy trình mua, bán**  1. Khi có nhu cầu mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện chào mua, bán giấy tờ có giá với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác trên thị trường liên ngân hàng. Bên bán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ có giá được chào bán.  2. Bên mua kiểm tra lại thông tin về giấy tờ có giá.  3. Việc chuyển giao giấy tờ có giá giữa bên bán và bên mua được thực hiện như sau:  3.1. Trường hợp giấy tờ có giá được niêm yết: thực hiện theo quy định của sàn giao dịch nơi giấy tờ có giá niêm yết.  3.2. Trường hợp giấy tờ có giá chưa được niêm yết thì thực hiện theo quy trình nghiệp vụ và thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của pháp luật cụ thể như sau:  a) Đối với giấy tờ có giá là chứng chỉ không ghi danh: các bên trực tiếp giao nhận giấy tờ có giá cho nhau;  b) Đối với giấy tờ có giá là chứng chỉ ghi danh: bên bán giao cho bên mua đồng thời làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bên mua theo quy định của pháp luật có liên quan và tổ chức phát hành;  c) Đối với giấy tờ có giá ghi sổ: bên bán chuyển giao giấy chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua đồng thời làm thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua theo quy định của pháp luật có liên quan và tổ chức phát hành;  d) Trường hợp giấy tờ có giá đang được lưu ký, bên bán có thể ủy quyền cho tổ chức lưu ký làm thủ tục chuyển giao giấy tờ có giá và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên bán sang cho bên mua.  4. Bên bán giấy tờ có giá có trách nhiệm thực hiện đúng cam kết mua lại giấy tờ có giá theo thỏa thuận. Việc chuyển tiền mua lại từ bên bán và chuyển giao lại giấy tờ có giá và quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên mua thực hiện như quy trình quy định tại khoản 3 Điều này.  5. Trường hợp một bên có nhu cầu mua lại hoặc bán lại giấy tờ có giá trước ngày mua lại thì bên có nhu cầu gửi văn bản đề nghị cho bên đối tác để được xem xét xử lý. Bên nhận đề nghị xem xét và có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận bán lại hoặc mua lại giấy tờ có giá trước ngày mua lại với số lượng và giá mua lại do các bên tự thỏa thuận. | **Điều 25. Chuyển giao giấy tờ có giá**  1. Trường hợp giấy tờ có giá được niêm yết: thực hiện theo quy định của sàn giao dịch nơi giấy tờ có giá niêm yết.  2. Trường hợp giấy tờ có giá chưa được niêm yết thì thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật cụ thể như sau:  a) Đối với giấy tờ có giá là chứng chỉ không ghi danh: các bên trực tiếp giao nhận giấy tờ có giá cho nhau;  b) Đối với giấy tờ có giá là chứng chỉ ghi danh: bên bán giao cho bên mua đồng thời làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bên mua theo quy định của pháp luật có liên quan và tổ chức phát hành;  c) Đối với giấy tờ có giá ghi sổ: bên bán chuyển giao giấy chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua đồng thời làm thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua theo quy định của pháp luật có liên quan và tổ chức phát hành;  d) Trường hợp giấy tờ có giá đang được lưu ký, bên bán có thể ủy quyền cho tổ chức lưu ký làm thủ tục chuyển giao giấy tờ có giá và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên bán sang cho bên mua.  **Điều 26. Mua lại, bán lại giấy tờ có giá trước ngày mua lại**  Việc mua lại hoặc bán lại giấy tờ có giá trước ngày mua lại (nếu có) và các vấn đề liên quan do bên các bên tự thỏa thuận. | - DTTT không quy định cụ thể quy trình mua bán có kỳ hạn GTCG giữa các TCTD vì qua rà soát, Vụ CSTT nhận thấy việc quy định cụ thể quy trình là không cần thiết mà do các TCTD, CNNHNNg tự thỏa thuận cho phù hợp.  - DTTT kế thừa quy định về chuyển giao GTCG tại khoản 3,4 Điều 25 TT21 và quy định cụ thể tại Điều 25 DTTT.  Điều 26: DTTT kế thừa quy định về mua, bán lại GTCG trước ngày mua lại tại khoản 5 Điều 25 TT21 |
| 32 | **Điều 26. Chế độ thông tin báo cáo**  Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện báo cáo tình hình thực hiện hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định tại Thông tư này. | **Điều 27. Thông tin báo cáo**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện báo cáo hoạt động cho vay, gửi tiền, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định tại Thông tư này. | DTTT kế thừa quy định tại TT21 |
| 33 | **Điều 27. Tổ chức thực hiện**  1. Trách nhiệm của Vụ Chính sách tiền tệ:  Đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.  2. Trách nhiệm của Sở Giao dịch:  Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi; cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư này và quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước; Công bố các thông tin về các giao dịch phù hợp với quy định về việc cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước.  3. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:  a) Hướng dẫn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với các khoản cho vay và mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá;  b) Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền;  c) Cung cấp ngay khi có văn bản của Ngân hàng Nhà nước cho Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch và các đơn vị liên quan thông tin về:  (i) TCTD, CNNHNNg bị Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp hạn chế, đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá; (ii) Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được thực hiện giao dịch theo Phương án củng cố tổ chức và hoạt động đã được phê duyệt; (iii) Tổ chức tín dụng đang trong quá trình tái cơ cấu được thực hiện giao dịch theo Phương án tái cơ cấu đã được NHNN phê duyệt (nếu có).  4. Trách nhiệm của Vụ Tài chính - kế toán:  Hướng dẫn hạch toán kế toán các hoạt động liên quan đến giao dịch cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, CNNHNNg phù hợp với quy định tại Thông tư này.  5. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền. | **Điều 28. Trách nhiệm của các đơn vị**  1. Vụ Chính sách tiền tệ:  Đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.  2. Sở Giao dịch:  Thu thập, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi; cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư này và quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.  3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:  Thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.  4. Vụ Tài chính - kế toán:  Hướng dẫn hạch toán kế toán các hoạt động liên quan đến giao dịch cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với quy định tại Thông tư này. | - Khoản 1: DTTT kế thừa quy định tại TT21.  - Khoản 2: DTTT bỏ quy định về trách nhiệm công bố thông tin vì nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 26/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 về phát ngôn, công bố thông tin của NHNN.  - Khoản 3: DTTT bỏ quy định tại tiết a,c khoản 3 Điều 27 TT21.  DTTT gộp trách nhiệm của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố (khoản 5 Điều 27 TT21) vào khoản 3 Điều 28 DTTT.  - Khoản 4: DTTT kế thừa quy định tại TT21 |
| 34 | **Điều 29. Điều khoản thi hành**   1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …/…/…. 2. Thông tư này thay thế Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012 quy định về hoạt động cho vay, đi vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 01/2013/TT-NHNN ngày 07/01/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012, Thông tư số 18/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012. 3. Đối với các giao dịch cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá đã ký kết và thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư này. | | |
| 35 | **Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. | | |